

Bản án số: 854/2022/HC-PT
Ngày 19 tháng 10 năm 2022
“V/v Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm
hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 373/2022/TLPT-HC ngày 18 tháng 7 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2022/HC-ST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1986/2022/QĐPT-HC ngày 23 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1960 – Có mặt;

Địa chỉ: Ấp Thị Tứ, thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Văn Đ và bà Lê Thị B: Luật sư Nguyễn Văn Hiệp – Văn phòng luật sư Đông Phương thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; Địa chỉ: Ấp Nhơn Thuận 1A, thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Hoàng N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A (Văn bản ủy quyền số 04/GUQ-UBND ngày 14/9/2022) – Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Trần Hoàng L, Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành A – Có mặt;

- Ông Nguyễn Văn Đ¹, Phó Chủ tịch Hội luật gia huyện Châu Thành A – Có mặt;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Lê Thị B, sinh năm 1959 – Có mặt;

3.2. Anh Võ Văn Q, sinh năm 1983 – Vắng mặt;

3.3. Chị Võ Thị Kiều Cẩm T¹, sinh năm 1993 – Vắng mặt;

3.4. Anh Võ Quang E, sinh năm 1992 – Vắng mặt;

3.5. Chị Nguyễn Thị Hồng Q, sinh năm 1994 – Vắng mặt;

3.6. Chị Võ Thị T², sinh năm 1979 – Vắng mặt;

3.7. Bà Lê Thị T, sinh năm 1962 – Có mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp Thị Tứ, thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang;

3.8. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại 279;

Địa chỉ: Số 209, ấp Thị Tứ, thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang;

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại 279: Ông Trần Thanh T³ – Giám đốc (Văn bản ủy quyền ngày 04/4/2022) – Có mặt;

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Võ Văn Đ;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/3/2022 và lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Võ Văn Đ trình bày:

Diện tích đất mà ông bị xử phạt vi phạm hành chính có nguồn gốc là đất bỏ hoang, được gia đình bà Lê Thị T khai phá từ trước ngày 15/10/1993, sử dụng đến năm 2015 thì bán lại cho ông Đ diện tích 700 m², loại đất ở, trên đất có căn nhà của bà T. Khi mua chỉ làm giấy tay, chỉ mua đất, không mua nhà và ông vẫn để cho bà T tiếp tục sử dụng. Chưa có ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này. Do căn nhà của ông đang ở bị ảnh hưởng bởi Dự án Kênh Xáng Xà No, nên ông dự kiến xây dựng căn nhà tạm trên đất đã mua của bà T thì chính quyền địa phương nhiều lần ngăn cản, vì cho rằng diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại 279 (sau đây viết tắt là Công ty 279) là chủ đầu tư Dự án Khu Trung tâm thương mại Một Ngàn và một phần thuộc đất Nhà nước quản lý.

Gia đình bà T khai phá sử dụng đất từ trước ngày 15/10/1993, trên đất có công trình xây dựng, sau đó bán lại cho ông. Nhà nước chưa ban hành quyết định quản lý khu đất, cũng không có quyết định thu hồi đất, cũng không giải quyết quyền lợi của người sử dụng đất, không thỏa thuận bồi thường gì cho ông, cũng không rõ trong diện tích 700 m² ông đã mua của bà T thì có bao nhiêu diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án. Do căn nhà ông đang ở bị giải tỏa nên năm 2021 ông dời lên khu đất này để ở là đúng quy định của pháp luật. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A ban hành Quyết định số 1543/QĐ-XPVPHC ngày 12/4/2021 (sau đây viết tắt là Quyết định số 1543) là không đúng, đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông, nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 1543.

Tại Công văn số 411/UBND ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A và người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Trước năm 1975 thì phần đất này là đất Chi khu Một Ngàn, quận Thuận Nhơn, tỉnh Phong Dinh của chế độ cũ quản lý. Sau năm 1975, chính quyền cách mạng tiếp quản giao cho quân đội quản lý, đến khoảng năm 1978-1980 để trống, khoảng năm 1983-1984 ông Nguyễn Thành T⁴ và vợ là Trần Kiều Đ² ở trên đất, đến năm 1992 bà Đ² chết, ông T⁴ kết hôn với bà Lê Thị T, sau đó ông T⁴ có chiếm trồng hoa màu và cất nhà cho thuê tiệm uốn tóc, nhà vệ sinh thu phí vào khoảng năm 2010.

Năm 1992, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành có Đề nghị số 37/ĐN-UBH.92 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng tỉnh Cần Thơ về việc xin phép xây dựng lô Chợ Tân Thuận theo quy hoạch cụm kinh tế và thực hiện đo đạc thành lập bản đồ địa chính được Sở địa chính Cần Thơ ký ngày 25/9/1996 và Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành ký duyệt ngày 26/9/1996 (hồ sơ 3 cấp).

Ngày 08/6/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 1624/QĐ-UBND về việc quy hoạch đất để đầu tư xây dựng Khu Trung tâm thương mại Một Ngàn. Công ty 279 trúng thầu và được Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vào ngày 21/3/2021, tại ấp Thị Tứ, thị trấn Một Ngàn, ông Võ Văn Đ có hành vi lấn chiếm đất phi nông nghiệp, diện tích 163,3 m² và tự ý xây công trình đổ bê tông móng, trụ (08 trụ) và dựng khung cột thép tiền chế, không được cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai và Công ty 279 cho phép. Trong đó có 135,6 m² đất thuộc Nhà nước quản lý và 27,7 m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 05351 cấp ngày 18/11/2014 cho Công ty 279. Bà T sử dụng đất và trồng một số loại cây trước năm 2010.

Hành vi vi phạm chiếm đất của ông Võ Văn Đ quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Tình tiết tăng nặng: Tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm dù cơ quan Nhà nước đã yêu cầu chấm dứt hành vi. Cụ thể: ngày 21/3/2021, Ủy ban nhân dân thị trấn Một Ngàn đã yêu cầu ngừng thi công công trình, nhưng đến ngày 28/3/2021 ông Đoàn vẫn tiếp tục thi công công trình. Theo điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ thì mức phạt do có tình tiết tăng nặng là 20.000.000 đồng và chiếm đất đô thị thì mức phạt gấp đôi là 20.000.000 đồng x 2 = 40.000.000 đồng; biện pháp khắc phục hậu quả là buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất, tháo dỡ các công trình đã xây dựng và buộc trả lại phần đất đã lấn chiếm.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A ban hành Quyết định số 1543 và Quyết định số 2775/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với ông Võ Văn Đ là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B trình bày: Bà thông nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Đ. Gia đình bà mua đất của bà T để cất nhà ở, bà chưa đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về công lao động và khai phá đất thì bà và gia đình bà T chưa được bồi thường. Hiện nay bà đã cất nhà xong, nhưng chưa làm được phần cửa nhà do xe của Công ty 279 cản lại. Gia đình bà T được nhận tiền bồi hoàn nhà cửa, vật kiến trúc thì bà đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T trình bày: Gia đình bà khai phá đất, cất nhà ở và sử dụng từ năm 1982, đến năm 2015 thì bán 700 m² cho ông Đ, chỉ bán đất không bán nhà. Bà chưa kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất. Bà đã nhận tiền bồi thường về nhà ở, công trình trên đất là

160.000.000 đồng. Về công lao động và khai phá đất thì bà và gia đình ông Đ chưa được bồi thường. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Thị Hồng Q, Võ Quang E, Võ Thị Kiều Cẩm T¹, Võ Văn Q, Võ Thị T² trình bày: Thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Đ và xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện Công ty 279 trình bày: Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 22/9/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang phê duyệt trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại Dự án “Khu Trung tâm thương mại Một Ngàn, huyện Châu Thành A”; Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 20/7/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A về việc công nhận đơn vị trúng thầu thực hiện Dự án cho Công ty 279 và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Công ty 279 thì phần đất này thuộc quyền sử dụng của Công ty 279. Việc bồi thường về đất và tài sản trên đất là trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A thực hiện, Công ty chỉ thực hiện Dự án khi được bàn giao mặt bằng. Nay Công ty yêu cầu ông Đoàn tháo dỡ công trình trên đất, trả lại đất để Công ty thực hiện theo đúng tiến độ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2022/HC-ST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 54, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Đ về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1543/QĐ-XPVPHC ngày 12/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/6/2022, người khởi kiện ông Võ Văn Đ có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Võ Văn Đ kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 1543 vì ông mua đất của bà T, gia đình bà T đã ở trên đất từ trước năm 1993, nên ông cất nhà để ở là không vi phạm. Ngoài nơi này ra, ông không còn nơi ở nào khác. Khi ông mua đất thì bà T chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không có lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng hoặc chứng thực.

Bà Lê Thị B nhất trí ý kiến của chồng bà là ông Võ Văn Đ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Văn Đ đề nghị xem xét Quyết định số 1543 sai về thể thức: Căn cứ ban hành không nêu rõ mà chỉ ghi chung chung, không thông báo cho người vi phạm biết việc Chủ tịch giao quyền xử phạt cho Phó Chủ tịch, là không đúng quy định tại Điều 365 Bộ luật dân sự năm 2015; Về 700 m² gia đình bà T đã ở ổn định từ năm 1982, theo Báo cáo số 883 ngày 13/10/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành A thì quá trình gia đình bà T ở không bị ngăn chặn hay xử phạt, nên theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì bà T đủ điều kiện để được bồi thường về đất, đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với 27,7 m² đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng Công ty 279 lại kiện đến Ủy ban nhân dân giải quyết là không đúng thẩm quyền; đồng thời Ủy ban nhân dân lại cưỡng chế thu hồi đất cho Công ty 279 là đã thực hiện thay cho Cơ quan thi hành án dân sự, là trái pháp luật nhưng Bản án sơ thẩm đã bỏ qua chi tiết này là đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm.

Ông Lê Hoàng N không đồng ý kháng cáo của ông Đ. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân thị trấn Một Ngàn thì ông Đ có đến 05 nhà, trong đó có nhà để cho thuê, nên ông Đ trình bày không có nơi ở khác là không đúng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A đề nghị xem xét đây là vụ án hành chính, hành vi vi phạm hành chính của ông Đ quy định tại Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ, nên luật sư yêu cầu áp dụng Bộ luật dân sự là không đúng. Nếu bà T cho rằng quyền lợi của bà bị xâm phạm thì bà có quyền khiếu nại ở vụ việc khác. Bà T không kê khai đất, cũng không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc bà T chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đ là không đúng quy định của pháp luật. Quyết định số 1543 được ban hành đúng mẫu quy định tại Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2018 sửa đổi bổ sung Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung xử phạt đều đúng quy định của pháp luật. Đề nghị bác kháng cáo của ông Đ.

Bà Lê Thị T trình bày bà đã bán đất cho ông Đ vào năm 2015. Phần đất này gia đình bà đã sử dụng ổn định từ năm 1983, nhưng chưa kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, cũng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bán đất cho ông Đ cũng không có làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng hoặc chứng thực, cũng chưa được cơ quan Nhà nước chấp thuận.

Ông Trần Thanh T³, Giám đốc Công ty 279 không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo hợp lệ, đủ điều kiện để xét xử phúc thẩm; Về nội dung, đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Võ Văn Đ đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ, những người vắng mặt đều là những người không có kháng cáo và họ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính thì Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Ông Võ Văn Đ khởi kiện quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A trong thời hạn chưa quá 01 năm, kể từ ngày có quyết định hành chính bị khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Quyết định số 1543 được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục, thời hạn, thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều 54 và mục 1 Chương III của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Tại Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A đã giao quyền cho ông Lê Hoàng N, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực mình phụ trách theo quyết định phân công công việc của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện. Quyết định số 1543 được

ban hành về cơ bản là đúng mẫu quy định tại Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời bảo vệ của luật sư cho rằng Quyết định số 1543 không đúng thể thức văn bản.

[4] Về nội dung:

[4.1] Diện tích khoảng 700 m² ông Võ Văn Đ đang xây nhà có nguồn gốc trước năm 1975 là đất Chi khu Một Ngàn, quận Thuận Nhơn, tỉnh Phong Dinh của chế độ cũ quản lý. Sau năm 1975, chính quyền cách mạng tiếp quản giao cho quân đội quản lý, đến khoảng năm 1978-1980 để trống. Khoảng năm 1983-1984 ông Nguyễn Thành T⁴ và vợ là Trần Kiều Đ² ở trên đất, đến năm 1992 bà Đ² chết, ông T⁴ kết hôn với bà Lê Thị T, sau đó ông T⁴ có chiếm trồng hoa màu và cất nhà cho thuê tiệm uốn tóc, nhà vệ sinh thu phí vào khoảng năm 2010.

Tại Biên bản kiểm kê về đất và tài sản gắn liền với đất bị ảnh hưởng lập ngày 15/3/2013 thể hiện trên phần diện tích đất bị ảnh hưởng có căn nhà của bà Lê Thị T xây dựng năm 2010, các mái che để làm gà, vệt xây dựng năm 2003 và cây trồng (04 cây dừa loại A, 01 cây dừa loại C, 02 cây gòn loại A và cây ngắn ngày khác). Ngày 22/6/2017, bà T thống nhất phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà (bút lục 168), Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A ban hành Quyết định số 3042/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 hỗ trợ nhà và công trình trên đất cho bà T, với tổng số tiền là 161.004.834 đồng, bà T đã nhận đủ tiền vào ngày 14/8/2017 (bút lục 189) và không còn tiếp tục quản lý sử dụng đất đến nay.

[4.2] Tại khoản 1 Điều 168 và điểm a khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 quy định, điều kiện thực hiện quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Tuy phần diện tích 700 m² nêu trên đã được gia đình bà T quản lý, sử dụng từ trước ngày 15/10/1993, không có tranh chấp, nhưng bà T chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng không kê khai vào sổ bộ địa chính, không có giấy tờ về quyền sử dụng đất và sau khi nhận đủ tiền hỗ trợ nhà ở, công trình trên đất thì bà T cũng không còn trực tiếp quản lý, sử dụng đất này.

Ông Võ Văn Đ xuất trình giấy tay ông mua đất của bà T vào năm 2015 và xuất trình các vi bằng do Thừa phát lại lập ngày 26/11/2020 và ngày 21/3/2021 để chứng minh ông có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất ông mua bằng giấy tay của bà T năm 2015, là không đúng quy định của pháp luật, vì bà T không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng hợp pháp của bà T đối với diện tích chuyển nhượng cho ông Đ. Mặt khác, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T với ông Đ cũng chưa lập thủ tục theo pháp luật quy định và cũng

chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Do đó, không có căn cứ để xác định phần đất ông Đ cất nhà thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông hoặc của bà T.

[4.3] Tại Mạnh Trích đo ngày 26/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Châu Thành A thể hiện, phần ông Võ Văn Đ đang sử dụng có diện tích 163,3 m²; trong đó có 27,7 m² thuộc thửa 3764, loại đất ODT, tờ bản đồ số 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 05351 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại 279 và 135,6 m² do Nhà nước quản lý (Thửa đất số 405, tổng diện tích 23.689 m² Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận (nay là thị trấn Một Ngàn) kê khai trong Sổ mục kê năm 1996).

[4.4] Ông Võ Văn Đ có hành vi cất nhà trên phần đất không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông, cũng không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị T, mà là thuộc một phần đất của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại 279 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thuộc một phần diện tích của Nhà nước quản lý, kê khai trong Sổ mục kê năm 1996, mà không được các cơ quan này đồng ý, nên có đủ căn cứ để xác định hành vi của ông Võ Văn Đ là hành vi lấn, chiếm đất quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

[5] Ông Võ Văn Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của ông là có căn cứ và hợp pháp, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn Đ và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Võ Văn Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, nhưng do ông là người cao tuổi nên được miễn;

[7] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 12, Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn Đ;

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2022/HC-ST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang;

Bác đơn khởi kiện của ông Võ Văn Đ yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1543/QĐ-XPVPHC ngày 12/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

3. Ông Võ Văn Đ được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN (18b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

Các vấn đề cần hỏi

I. HỎI NGƯỜI KHỎI KIẾN (Kháng cáo):

1. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết như thế nào?
2. Khi bà có đơn phối hợp tháo dỡ ngày 06/01/2020 thì Ủy ban huyện trả lời như thế nào?
3. Hiện nay có xác định được vị trí, kích thước, hình thể, giáp giới 04 phần diện tích phải khắc phục trên thực địa không?
4. Tòa án TPHCM thẩm định tại chỗ có bản vẽ xác định vị trí 4 phần diện tích không?
5. Quyết định số 281/QĐ-XPVPHC ngày 13/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây xử phạt vi phạm hành chính diện tích 135,8 m² và 139,7 m² đính kèm bản vẽ sơ đồ nhà đất số 00589/2018 ngày 29/8/2018, nhưng theo bản vẽ này có xác định rõ vị trí, kích thước, hình thể, giáp giới hai diện tích này ở chỗ nào không? Trên bản đồ và trên thực địa có chỉ chỗ nào không?

II. HỎI NGƯỜI BỊ KIẾN:

1. Có đồng ý kháng cáo của bà Trang không?
2. Lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh đã ban hành Quyết định số 896/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 20/12/2019 đính chính Quyết định số 872/QĐ-CCXP ngày 13/12/2019?
3. Nếu không đính chính thì phần căn cứ luật của QĐ 872 có đúng không?
4. Vì sao không cho bà Trang phối hợp tháo dỡ, không chỉ rõ vị trí từng diện tích vi phạm để bà Trang tự tháo dỡ? Tức là chưa xác định vị trí trên thực địa.
5. Tòa án TPHCM thẩm định tại chỗ có bản vẽ xác định vị trí 4 phần diện tích không?
6. Tòa án TPHCM có tổ chức đo đạc để xác định vị trí, kích thước, hình thể, giáp giới diện tích theo quyết định xử phạt của UBND xã Tân Quý Tây có chồng lấn lên vị trí, kích thước, hình thể, giáp giới 04 diện tích theo quyết định ADBPKPHQ của UBND huyện Bình Chánh không?
7. Giải thích sơ đồ đã nộp đính kèm quyết định 798 với sơ đồ (bản giấy trong suốt) có chênh lệch?
 - Vị trí 7-4, diện tích là 177,5 m², còn sơ đồ nộp ngày 17/11/2021 ghi diện tích là 139,7 m²; (Chênh lệch 37,8 m²) trong khi hình thể, vị trí tương đồng nhau?
 - Vị trí 7-6 ghi diện tích 104,7 m² nhưng sơ đồ nộp ngày 17/11/2021 ghi diện tích là 72,2 m²; (Chênh lệch 32,5 m²) trong khi hình thể, vị trí tương đồng nhau?
8. Ngoài Phòng TNMT huyện và Sở TNMT TPHCM thì Có cơ quan độc lập nào có chức năng khảo sát, đo đạc không?
9. Biên bản vi phạm hành chính ngày 02/8/2019 xác định hành vi vi phạm hành chính là ***“Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép. Diện tích 7.592,4 m²”***.

Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 01/BB-XM ngày 08/8/2019 và Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 03/BB-XM ngày 23/9/2019 có bổ sung thêm hành vi: ***“Tự ý chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép”***.

Như vậy, hành vi đối với đất trồng lúa không có trong BBVPHC ngày 02/8/2019 mà chỉ có trong BB xác minh và quyết định ADBPKPHQ. Vậy hành vi này là **giải thích rõ hơn** cho hành vi ghi trong BBVPHC hay là **bổ sung** BBVPHC?

10. Vì sao UBND không tiếp tục lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi chuyển mục đích đất lúa rồi xử phạt thành một quyết định riêng?

Mục 2 phần II Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao có nội dung: “Luật Xử lý vi phạm hành chính không có quy định về biên bản vi phạm hành chính bổ sung. Trong khi đó Tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19-7-2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: “3. Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị lập biên bản và ra quyết định xử phạt một lần...”. Do đó, khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền chỉ căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính đã được lập.

Đối với trường hợp sau khi lập biên bản vi phạm hành chính lại phát hiện thêm hành vi vi phạm hành chính khác thuộc phạm vi quản lý của mình, người có thẩm quyền đã tiếp tục lập biên bản đối với hành vi vi phạm hành chính này thì được căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính lập sau để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính”.

11. Theo Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất huyện Bình Chánh thì vị trí khu đất có một phần đất ở nông thôn, một phần đất giao thông; Quy hoạch xây dựng năm 2013 thì 1 phần là đất ở nông thôn hiện hữu, 1 phần là đất nông nghiệp và 1 phần là đất giao thông. Tòa án cấp sơ thẩm có thu thập bản vẽ chi tiết tại vị trí đất của bà Trang thì nơi nào quy hoạch là đất ở, nơi nào quy hoạch là đất giao thông và nơi nào là đất nông nghiệp không?

12. Vì sao phải buộc tất cả diện tích đều phải trả về hiện trạng đất nông nghiệp mà không linh động như Báo cáo đề nghị số 225/BC-UBND ngày 29/02/2016 của UBND Bình Chánh?

III. HỎI NGƯỜI LIÊN QUAN (UBND XÃ TÂN QUÝ TÂY):

1. Có ý kiến gì về kháng cáo của bà Trang?

2. Quyết định xử phạt VPHC số 281, diện tích 135,8 m² và 139,7 m² kèm bản vẽ sơ đồ nhà đất số 00589/2018 ngày 29/8/2018, bản vẽ này có xác định rõ vị trí của hai phần đất xử phạt vi phạm hành chính nêu trên không? Lấy Sơ đồ ra chỉ chỗ nào?

4. Có xác định trên thực địa hai diện tích này chỗ nào không?

5. Tòa án TPHCM có tổ chức đo đạc để xác định vị trí, kích thước, hình thể, giáp giới diện tích theo quyết định xử phạt của UBND xã Tân Quý Tây có chồng lấn lên vị trí, kích thước, hình thể, giáp giới 04 diện tích theo quyết định ADBPKPHQ của UBND huyện Bình Chánh không?

